TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7- HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 772/2026/DS-ST
Ngày: 21/6/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- HÀ NỘI

Thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:* Bà **Triệu Thúy Hà**.

- Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ngô Thị Yên ;**

2. Hoàng Thị An

- Thư ký phiên toà**:** Ông **Hoàng Minh Anh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh, Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7- Hà Nội tham gia phiên toà**:** Bà **Nguyễn Thị Thuý Nga** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội, Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-DS ngày 17/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 34 /2022/QĐST-DS ngày 27/6/2022, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 05/2026/QĐST-DS ngày 01/6/2026, Thông báo mở lại phiên tòa ngày 01/6/2026 và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (V1)

Địa chỉ: Tầng A Tòa nhà S A, phường S, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V- Số CCCD 022076004382 cấp ngày 07/4/2021 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về TTXH- Chức vụ Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Đinh Phương T- CCCD số 010196007929 cấp ngày 17/12/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Bị đơn: Ông Đặng Xuân X, sinh năm 1982; CMND/CCCD: 001182021279 cấp ngày 14/3/2018

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; CMND/CCCD: 001183027183 cấp ngày 18/01/2018

Địa chỉ: Thôn L, xã P, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Vương Thế T1, sinh năm 1983; Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986 (Vợ ông T1).

Địa chỉ: Đường P, phường X, Hà Nội

Có mặt: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn;

Vắng mặt: Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP Q (V1):

Ngày 04/7/2020, Ngân hàng TMCP Q (V1) - Phòng G và ông Đặng Xuân X, bà Nguyễn Thị L ký Hợp đồng tín dụng số 1110716.20, theo đó Ngân hàng cho ông Đặng Xuân X và bà Nguyễn Thị L vay số tiền 600.000.000 đồng để thanh toán tiền mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX-5; thời hạn vay 72 tháng, từ ngày 05/7/2020 đến ngày 04/7/2026; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,4%/năm, được áp dụng ưu đãi trong 12 tháng đầu, sau thời gian ưu đãi được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo lãi suất cơ sở của V1 cộng biên độ 4,1%/năm; nợ gốc được trả vào ngày 25 hằng tháng, mỗi kỳ 8.333.000 đồng; tiền lãi thanh toán vào ngày 25 hằng tháng theo dư nợ thực tế; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, cùng ngày các bên ký Hợp đồng thế chấp đối với chiếc xe ô tô Mazda CX-5, biển kiểm soát 30G-394.36 đứng tên ông Đặng Xuân X. Ngày 07/7/2020, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Đặng Xuân X và bà Nguyễn Thị L theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 1110716(1) với số tiền 600.000.000 đồng, đúng theo thỏa thuận của các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đặng Xuân X và bà Nguyễn Thị L đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 132.544.850 đồng, trong đó nợ gốc 93.697.000 đồng, tiền lãi 38.847.850 đồng. Sau đó, ông Đặng Xuân X và bà Nguyễn Thị L không tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, vi phạm Hợp đồng tín dụng.

Tính đến ngày xét xử 21/6/2026, ông Đặng Xuân X và bà Nguyễn Thị L còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 1110716.20 tổng số tiền 1.075.810.915 đồng, gồm:

- Nợ gốc: 506.303.000 đồng;

- Lãi trong hạn: 60.861.579 đồng;

- Lãi quá hạn: 508.646.336 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đặng Xuân X và bà Nguyễn Thị L liên đới thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất và phương thức tính lãi đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ.

Tại Bản tự khai và các Biên bản làm việc tại Tòa án, bị đơn ông Đặng Xuân X trình bày:

Ngày 07/7/2020, ông Đặng Xuân X và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1983, có vay tiền của Ngân hàng TMCP Q. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô Mazda CX-5, biển kiểm soát 30G-394.36, màu đỏ; số khung, số máy đúng như thể hiện tại Hợp đồng thế chấp. Ông X xác nhận các thông tin về xe trong Hợp đồng thế chấp là đúng. Các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu xe ô tô hiện do Ngân hàng quản lý. Số tiền vay là 600.000.000 đồng. Mục đích vay là để thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô Mazda CX-5, biển kiểm soát 30G-394.36, màu đỏ như thể hiện tại Phụ lục Hợp đồng thế chấp. Chiếc xe này đứng tên chủ sở hữu là ông Đặng Xuân X.

Tuy nhiên, ông X trình bày rằng ông chỉ là người ký Hợp đồng tín dụng và đứng tên đăng ký xe, còn vợ chồng ông không trực tiếp quản lý, sử dụng chiếc xe. Hiện nay, chiếc xe do bạn của ông là ông Vương Thế T1, sinh năm 1983 và vợ là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986, địa chỉ: số G P, phường C, quận N, thành phố Hà Nội quản lý, sử dụng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Vương Thế T1 là người chuyển tiền thanh toán cho Ngân hàng một phần nợ gốc và một phần tiền lãi. Cụ thể số tiền đã thanh toán bao nhiêu thì ông X không rõ. Hiện nay khoản vay vẫn còn dư nợ.

Ông X cho rằng ông là người đứng tên vay tiền nhưng không trực tiếp sử dụng khoản tiền vay, đồng thời cũng không quản lý, sử dụng chiếc xe thế chấp. Chiếc xe hiện do ông Vương Thế T1 và vợ sử dụng. Vì vậy, ông X cho rằng bản thân không có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ đối với Ngân hàng.

Ông X có yêu cầu phản tố, đề nghị Tòa án xem xét xác định vợ chồng ông không có nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn; đồng thời xem xét tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5568755.20 ngày 04/7/2020 giữa ông và Ngân hàng; đề nghị xử lý chiếc xe ô tô Mazda CX-5, biển kiểm soát 30G-394.36 để

thu hồi toàn bộ khoản nợ. Theo ông X, hiện nay chiếc xe đang do ông Vương Thế T1 quản lý, sử dụng.

Bà Nguyễn Thị L thống nhất với toàn bộ nội dung trình bày của ông Đặng Xuân X, thống nhất với yêu cầu phản tố của ông X và không có ý kiến bổ sung.

Ông Vương Thế T1 trình bày: Việc mua bán, quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô là việc giữa ông T1 và ông Đặng Xuân X. Ông T1 và ông X đều biết hiện nay chiếc xe ô tô Mazda CX5, biển kiểm soát 30G-394.36 đang ở đâu. Ngoài ra, ông T1 không cung cấp ý kiến gì khác.

*** Tại các phiên tòa xét xử**,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Khoản nợ tính đến ngày xét xử

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp đảm bảo quyền lợi cho bị đơn, xác định ông Đặng Xuân X và bà Nguyễn Thị L không có nghĩa vụ trả nợ gốc lại theo Hợp đồng tín dụng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7-Hà Nội phát biểu quan điểm

-Về tố Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự: Quá trình tố tụng, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành pháp luật không đầy đủ.

-*Về nội dung vụ án:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- *Về án phí:* Vụ án áp dụng án phí có giá ngạch. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn ký kết Hợp đồng tín dụng để vay tiền mua xe ô tô phục vụ mục đích tiêu dùng cá nhân, không nhằm mục đích kinh doanh, sinh lợi. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Đặng Xuân X và bà Nguyễn Thị L cư trú tại thôn L, xã P, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội. Việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về việc tống đạt văn bản tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là đúng quy định pháp luật.

Về việc tiếp tục giải quyết vụ án: Ngày 01/6/2026, ông Đặng Xuân X có bản tự khai đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án tuyên xử lý chiếc xe ô tô Mazda CX-5, biển kiểm soát 30G-394.36 để thu hồi khoản nợ cho nguyên đơn; đối với giao dịch giữa ông với ông Vương Thế T1 và bà Nguyễn Thị H, ông X xác định sẽ yêu cầu cơ quan Công an giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, đến thời điểm xét xử, lý do tạm đình chỉ giải quyết vụ án không còn. Mặc dù Tòa án đã có văn bản đề nghị cơ quan Công an có thẩm quyền cung cấp kết quả giải quyết đơn tố giác của ông Đặng Xuân X nhưng không nhận được văn bản phúc đáp; đồng thời không có căn cứ xác định cơ quan điều tra đang thụ lý, giải quyết vụ việc hoặc việc giải quyết đơn tố giác là tình tiết làm phát sinh căn cứ tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án ban hành Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án và đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi có Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án, không phát sinh tài liệu, chứng cứ, yêu cầu hoặc người tham gia tố tụng mới làm thay đổi nội dung vụ án, nên Tòa án không tổ chức lại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà tiếp tục đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là ***"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"***.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V2 ký Hợp đồng tín dụng số 1110716.20 ngày 04/7/2020 với ông Đặng Xuân X, bà Nguyễn Thị L và ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 55689755.20 ngày 04/7/2020 với ông Đặng Xuân X. Hợp đồng tín dụng số 1110716.20 ngày 04/7/2020 và Hợp đồng thế chấp tài sản. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân cho ông Đặng Xuân X và bà Nguyễn Thị L số tiền 600.000.000 đồng theo đúng Hợp đồng tín dụng và Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ đã ký. Ông Đặng Xuân X và bà Nguyễn Thị L đã nhận khoản vay, đồng thời dùng chiếc xe ô tô Mazda CX-5, biển

kiểm soát 30G-394.36 thuộc quyền sở hữu của ông Đặng Xuân X để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Xét thấy Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp được giao kết trên cơ sở tự nguyện; các bên tham gia đều có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự; người đại diện của Ngân hàng ký kết đúng thẩm quyền; nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức hợp đồng được lập thành văn bản theo quy định của pháp luật. Đối với Hợp đồng thế chấp, tài sản bảo đảm đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Do đó, Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thanh toán được một phần nợ gốc và lãi, sau đó vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông Đặng Xuân X và bà Nguyễn Thị L thanh toán số tiền còn nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng việc vay vốn chỉ là đứng tên hộ cho anh Vương Thế T1 và chị Nguyễn Thị H, bản thân ông Đặng Xuân X và bà Nguyễn Thị L không được sử dụng số tiền vay, không quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô nên không có nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này. Mặt khác, toàn bộ hồ sơ tín dụng đều thể hiện ông Đặng Xuân X và bà Nguyễn Thị L là bên vay, trực tiếp ký Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và Hợp đồng thế chấp. Do đó, bị đơn xác định mình không có nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng là không có căn cứ để chấp nhận. Trường hợp giữa ông Đặng Xuân X, bà Nguyễn Thị L và ông Vương Thế T1, bà Nguyễn Thị H có tranh chấp liên quan đến giao dịch dân sự (vay vốn hộ, đứng tên hộ) có quyền giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn đề nghị Tòa án xác định trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng chỉ được quyền xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô Mazda CX-5 biển kiểm soát 30G-394.36 chủ sở hữu là ông Đặng Xuân X, Hội đồng xét xử thấy rằng chiếc xe ô tô nêu trên đã được các bên dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, khi nghĩa vụ được bảo đảm bị vi phạm thì bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Do đó, yêu cầu phản tố của bị đơn về việc xác định Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ và được chấp nhận. Trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền thu hồi tài sản thế chấp để thu hồi nợ

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn về đòi tiền theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về xử lý tài sản để thu hồi nợ.

Đối với quan hệ giữa ông Đặng Xuân X với ông Vương Thế T1 và bà Nguyễn Thị H liên quan đến việc đứng tên vay vốn, nhận, quản lý, sử dụng số tiền vay hoặc các giao dịch khác (nếu có), đây là quan hệ pháp luật độc lập, không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án này. Trường hợp có căn cứ, các bên có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ và yêu cầu phản tố của bị đơn không được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Đặng Xuân X và bà Nguyễn Thị L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ tài sản phải thực hiện theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[5] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 298, 299, 318, 320, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, 266, 271, 273, 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Luật Thi hành án dân sự;
- Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2011 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

2. Buộc ông Đặng Xuân X và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng số 11107016.20 ngày 04/7/2020, tính đến ngày 21/6/2026, tổng số tiền là 1.075.810.915 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm mười nghìn chín trăm mười lăm đồng), gồm:

- Nợ gốc: 506.303.000 đồng;
- Lãi trong hạn: 60.861.579 đồng;
- Lãi quá hạn: 508.646.336 đồng.

Kể từ ngày 22/6/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, ông Đặng Xuân X và bà Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất, phương thức điều chỉnh lãi suất và các thỏa thuận khác được các bên xác lập trong Hợp đồng tín dụng số 11107016.20 ngày 04/7/2020, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Trường hợp ông Đặng Xuân X và bà Nguyễn Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết, cụ thể là chiếc xe ô tô Mazda CX-5, biển kiểm soát 30G-394.36, đứng tên anh Đặng Xuân X, để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Đặng Xuân X và bà Nguyễn Thị L phải liên đới chịu 44.274.327 đồng (Bốn mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi tư nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 12.515.596 đồng (Mười hai triệu năm trăm mười lăm nghìn năm trăm chín mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/0046378 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Hà Nội).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 7- Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Triệu Thúy Hà

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**
	Triệu Thúy Hà